

Số: **394**/BC-STC

Tuyên Quang, ngày **13** tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Sở Tài chính trân trọng báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2020 (Theo thuyết minh và biểu đính kèm).

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên (Báo cáo);
- Công báo Tuyên Quang (Công khai);
- Website Sở Tài chính (Công khai);
- Lưu: VT, QLNS (Hiện.04b).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 394/BC-STC ngày 13/10/2020 của Sở Tài chính)

1. Thu ngân sách nhà nước:

Thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020, Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, ngay từ đầu năm cơ quan thuế, các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở đã tập trung triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và các văn bản, kế hoạch hướng dẫn chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước năm 2020 triển khai hiệu quả các giải pháp quản lý thuế; tích cực thu các khoản thu vào NSNN.

Kết quả thực hiện thu NSNN quý III và 9 tháng đầu năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	TH quý III	Lũy kế 9 tháng
1.1) Tổng thu NSNN trên địa bàn:	529.892	1.498.637
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nội địa:	512.101	1.406.117
1.2) Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	455.549	1.283.324

(Có Biểu chi tiết số 60/CK-NSNN kèm theo)

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 64,9% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 65,1% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, đạt 99,6% so với cùng kỳ năm trước (Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 sau khi loại trừ số thu từ Quỹ Dự trữ tài chính đạt 63,1% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 63,4% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, đạt 96,9% so với cùng kỳ năm trước). Thu nội địa đạt 63,9% dự toán, bằng 99,4% so với cùng kỳ năm trước.

a) Một số khoản thu đạt khá:

- Thuế thu nhập cá nhân (TNCN): thực hiện 76,7 tỷ đồng, đạt 76,7% dự toán, tăng 9,2% so với cùng kỳ (tăng 6,4 tỷ đồng).

- Thu tiền thuê đất: thực hiện 70,6 tỷ đồng, đạt 88,3% dự toán, giảm 7,6% so với cùng kỳ. Trong đó số ghi thu tiền thuê đất là 22,1 tỷ đồng.

- Thu cổ tức và lợi nhuận được chia thực hiện 1,8 tỷ đồng, đạt 180,9% dự toán, tăng 6,6% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách thực hiện 64,2 tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán, tăng 21,0% so với cùng kỳ, trong đó số thu hồi các khoản chi năm trước là 19,1 tỷ đồng.

b) Một số khoản thu đạt thấp:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) do Trung ương quản lý: thực hiện 241,6 tỷ đồng, đạt 68,0% dự toán UBND tỉnh giao, giảm 11,9% so với cùng kỳ (giảm 32,7 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý: thực hiện 36,5 tỷ đồng, đạt 55,3% dự toán, giảm 15,6% so với cùng kỳ (giảm 6,7 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn Đầu tư nước ngoài: thực hiện 7,9 tỷ đồng, đạt 26,4% dự toán, giảm 48,7% so với cùng kỳ (giảm 7,5 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực Công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: thực hiện 377,6 tỷ đồng, đạt 58,1% dự toán, giảm 2,3% so với cùng kỳ (giảm 9,0 tỷ đồng).

- Thu từ thuế bảo vệ môi trường: thực hiện 180,9 tỷ đồng, đạt 60,3% dự toán, giảm 3,8% so với cùng kỳ (giảm 7,1 tỷ đồng).

- Thu phí, lệ phí thực hiện 127,4 tỷ đồng, đạt 66,7% dự toán, giảm 8,1 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong đó thu lệ phí trước bạ: thực hiện 83,8 tỷ đồng, đạt 67,0% dự toán, giảm 6,3% so với cùng kỳ (giảm 5,7 tỷ đồng).

- Thu tiền sử dụng đất: thực hiện 164,8 tỷ đồng, đạt 65,9% dự toán, tăng 77,2% so với cùng kỳ (tăng 71,8 tỷ đồng).

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện 36,7 tỷ đồng, đạt 52,4% dự toán, giảm 33,9% so với cùng kỳ (giảm 18,8 tỷ đồng).

2. Chi ngân sách địa phương:

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 đã được giao cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố tại Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó đã đảm bảo đầy đủ các khoản chi lương, phụ cấp, chi thường xuyên theo định mức quy định tại Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao ngay trong dự toán đầu năm cho các huyện, thành phố kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: Chính sách miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số

86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo là Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; hỗ trợ chính sách đối với học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND, số 12/2014/NQ-HĐND, số 05/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ... để các đơn vị, các huyện, thành phố chủ động thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn đảm bảo kịp thời, chặt chẽ và đúng quy định. Giao dự toán kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cho các huyện, thành phố để chủ động tổ chức thực hiện.

Ngay trong quý I năm 2020, Sở Tài chính đã ban hành hướng dẫn thực hiện dự toán NSNN năm 2020 nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu NSNN và chi NSDP trên địa bàn tỉnh năm 2020. Quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ khi giao dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị để tạo nguồn cải cách tiền lương.

Kết quả thực hiện chi NSDP quý III và 9 tháng đầu năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	TH quý III	Lũy kế 9 tháng
* Tổng chi ngân sách:	3.277.655	7.274.869
<i>Trong đó:</i>		
- Chi đầu tư phát triển:	1.472.827	2.552.540
- Chi thường xuyên:	1.312.781	3.658.925
- Chi từ nguồn dự phòng NS:	28.075	90.335

(Có Biểu chi tiết số 61/CK-NSNN kèm theo)

Chi đầu tư phát triển: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư năm 2020, kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngay từ đầu năm, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, đơn vị và các huyện, thành

phổ triển khai tổ chức thực hiện. Tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và tiến độ giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm 2020, tập trung thanh toán kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang.

Chi thường xuyên: Chi thường xuyên ngân sách địa phương thực hiện 9 tháng đầu năm 2020 đạt 60,4% dự toán, bằng 106,3% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ bản ngân sách địa phương đáp ứng đầy đủ các nội dung chi đã được bố trí trong dự toán được duyệt cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí để chi lương, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên chức. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ đầu năm (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*). Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Thực hiện phân bổ dự toán đối với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu vốn sự nghiệp: CTMT đảm bảo an ninh trật tự, ATGT, phòng chống tội phạm, ma túy; CTMT Y tế - Dân số; CTMT giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn; CTMT phát triển văn hóa; CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội; CTMT giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và an toàn lao động... để tổ chức thực hiện kịp thời, sử dụng kinh phí các chương trình hiệu quả, đúng đối tượng.

Sở Tài chính đã tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn như: Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 01/8/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kinh phí thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Kinh phí thực hiện kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh...

Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng nguồn Dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ Dự trữ tài chính để bố trí kinh phí phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh như: mua sắm trang thiết bị, thuốc, vật tư y tế; Hỗ trợ người bị cách ly và lực lượng tham gia phòng chống dịch; Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ./

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 394/BC-STC ngày 13/10/2020 của Sở Tài chính)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.309.000	1.498.637	42,0%	96,2%
I	Thu cân đối NSNN	2.309.000	1.498.637	42,0%	96,2%
1	Thu nội địa	2.200.000	1.451.677	42,6%	99,2%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	109.000	46.960	28,2%	53,5%
4	Thu viện trợ	0			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	9.277.800	7.274.869	43,1%	108,4%
I	Chi cân đối NSDP	7.034.073	6.303.000	49,6%	105,2%
1	Chi đầu tư phát triển	840.051	2.552.540	128,5%	106,1%
2	Chi thường xuyên	6.059.667	3.658.925	38,8%	104,7%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0%	100,0%
5	Dự phòng ngân sách	131.555	90.335	44,0%	109,8%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.243.727	971.869	22,6%	137,6%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	12.000			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	33.700			


ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 09 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 394/BC-STC ngày 13/10/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.309.000	1.498.637	64,9%	148,8%
I	Thu nội địa	2.200.000	1.451.677	66,0%	153,5%
1	Thu từ khu vực DNNN	421.000	278.039	66,0%	158,8%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000	7.926	26,4%	139,0%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	650.000	377.594	58,1%	140,9%
4	Thuế thu nhập cá nhân	100.000	76.720	76,7%	151,2%
5	Thuế bảo vệ môi trường	300.000	180.876	60,3%	142,4%
6	Lệ phí trước bạ	125.000	83.796	67,0%	140,1%
7	Thu phí, lệ phí	66.000	43.629	66,1%	134,6%
8	Các khoản thu về nhà, đất	331.000	236.636	71,5%	189,4%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		24,0%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	559	55,9%	208,4%
-	Thu tiền sử dụng đất	250.000	164.815	65,9%	252,1%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	70.623	88,3%	120,4%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		638		106,4%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	70.000	36.690	52,4%	73,6%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000	1.809	180,9%	384,4%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22.000	15.485	70,4%	143,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	2.727	68,2%	100,8%
13	Thu khác ngân sách	80.000	109.751	137,2%	285,2%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	46.960	43,1%	81,7%
1.	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		44.053		
2	Thuế xuất khẩu		1.027		
3	Thuế nhập khẩu		1.751		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
6	Thu khác		129		
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.945.517	1.357.668	69,8%	170,0%
1	Từ các khoản thu phân chia	261.517	157.033	60,0%	2021,4%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.684.000	1.126.292	66,9%	142,4%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 394/BC-STC ngày 13/10/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 09 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	9.277.800	7.274.869	78,4%	197,3%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.034.073	6.303.000	89,6%	190,0%
I	Chi đầu tư phát triển	840.051	2.552.540	303,9%	250,7%
1	Chi đầu tư cho các dự án	765.051	2.545.740	332,8%	250,5%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		3.500		875,0%
3	Chi đầu tư phát triển khác	75.000	3.300	4,4%	220,0%
II	Chi thường xuyên	6.059.667	3.658.925	60,4%	162,9%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.616.812	1.595.120	61,0%	156,9%
2	Chi khoa học và công nghệ	18.619	6.296	33,8%	48,9%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	688.412	418.186	60,7%	166,5%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	99.270	50.861	51,2%	179,1%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	29.477	35.853	121,6%	115,5%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	123.755	59.169	47,8%	195,9%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	766.897	150.049	19,6%	143,7%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.370.541	932.508	68,0%	162,0%
10	Chi bảo đảm xã hội	203.023	303.449	149,5%	279,6%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0%	100,0%
V	Dự phòng ngân sách	131.555	90.335	68,7%	171,2%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.243.727	971.869	43,3%	263,4%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	682.669	464.087	68,0%	722,4%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.471.241	479.731	32,6%	164,4%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	89.817	28.051	31,2%	217,6%